TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
TRUNG TÂM TIN HỌC

DANH SÁCH ĐIỂM THI PHẦN AUTOCAD
KỲ THI 27 - 28 THÁNG 9 NĂM 2014

STT	HO	TEN	NG SINH	MSV	Ghi chu	Điểm
1	Nguyễn Văn	Hiếu	/ /93	12149763	CA2D	5
2	Tạ Thị Khánh	Huyền	27/07/1994	12149246	CA2D	không đạt
3	Nguyễn Minh Thùy	Khanh	04/08/1993	11157018	CA2D	5
4	Nguyễn Huy	Hạnh	25/03/1993	11157469	CA2D	7
5	Nguyễn Tiến	Nam	06/10/1992	10149115	CA2D	6,5
6	Trần Thị Minh	Hoàng	02/02/1992	10149067	CA2D	5
7	Nguyễn Hoàng	Anh	30/10/1993	11149085	CA2D	8,8
8	Ngô Thị Thi	Thơ	20/04/1993	11157474	CA2D	10
9	Trịnh Mỹ Thảo	Tiên	14/09/1992	10149204	CA2D	5,5
10	Phan Xuân	Nhật	01/08/1992	10154027	CA2D	không đạt
11	Phạm Thị Huệ	Trinh	04/02/1993	11157475	CA2D	không đạt
12	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	10/02/1992	11157460	CA2D	8,5
13	Lê Nhật	Quang	24/08/1993	11157482	CA2D	không đạt
14	Nguyễn Thanh	Trúc	08/12/1993	11157458	CA2D	9
15	Nguyễn Nhâm	Thân	16/01/1993	11149350	CA2D	6
16	Biện Văn	Dũng	06/01/1993	11157454	CA2D	không đạt
17	Nguyễn	Du	/ /91	10149025	CA2D	5,3
18	Nguyễn Thị Phương	Ngân	21/02/1993	11157472	CA2D	9
19	Nguyễn Đăng	Trí	08/01/1993	11157476	CA2D	không đạt
20	Hồng Hải	Vinh	31/01/1992	10149248	CA2D	6
21	Nguyễn Đăng	Hoàng	09/02/1993	11157470	CA2D	không đạt
22	Nguyễn Song	Hào	27/03/1992	10157054	CA2D	5,3
23	Phạm Ngọc	Chinh		11157447	CA2D	không đạt
24	Nguyễn Thị	Hường	16/08/1991	11169016	CAD	8
25	Nguyễn Hồng	Phong	15/05/1990	10137042	CAD	6,5
26	Phan Trọng	Nghĩa	20/01/1993	11169006	CAD	8
27	Ngô Trí	Hữu	07/05/1992	11154057	CAD	8,5
28	Nguyễn Sĩ	Đăng	15/01/1993	11169017	CAD	không đạt
29	Lê Văn	Xon	25/12/1992	10127194	CAD	không đạt
30	Nguyễn Quang Công	Toại	13/08/1992	10154085	CAD	5,5
31	Trần Vũ	Lâm	08/10/1991	10127074	CAD	không đạt
32	Đồng Châu	Quang	15/10/1993	11169008	CAD	không đạt
33	Nguyễn Tấn	Quí	25/07/1991	10138023	CAD	không đạt
34	Đoàn Mai Minh	Khôi	23/01/1993	11169014	CAD	7
35	Phạm Quốc	Trung	04/05/1991	10138060	CAD	6,5
36	Nguyễn Hoàng	Trung	24/04/1993	11344054	CAD	không đạt
37	Đoàn Thị Kim	Oanh	27/11/1993	11169023	CAD	5,5
38	Nguyễn Văn	Nguyên	05/07/1991	10154068	CAD	6,5